

TRƯỜNG ĐHSPT HÀ NỘI 2
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG VIỆT

ĐIỂM THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT
THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI
(Đợt thi ngày 08/8/2026)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Quốc tịch	Điểm từng kĩ năng				Điểm trung bình	Ghi chú	
				Nghe	Đọc	Viết	Nói			
1	TV1001	SENGCHANPHOUAN	ALINA	CHDCND Lào	5.0	5.0	3.5	5.0	4.5	
2	TV1002	XAIYADETH	ALISA	CHDCND Lào	6.0	6.0	8.5	6.5	7.0	
3	TV1003	XAYYATEUT	ANOUPHAP	CHDCND Lào	4.5	5.5	2.5	4.0	4.0	
4	TV1004	ONLATBOUNMEE	ANOUPHONE	CHDCND Lào	5.0	6.0	5.0	4.0	5.0	
5	TV1005	THOCHONGLIACHY	ANOUSONE	CHDCND Lào	7.0	6.0	5.5	7.5	6.5	
6	TV1006	SIPASERT	ARMING	CHDCND Lào	4.0	7.0	4.0	3.5	4.5	
7	TV1007	SENGSAVANG	DASAVANH	CHDCND Lào	8.0	9.0	8.0	8.0	8.5	
8	TV1008	HUANG	DEGUI	Trung Quốc	9.0	9.0	8.5	8.5	9.0	
9	TV1009	SENG ALOUN	DUANGDEUAN	CHDCND Lào	8.0	7.0	9.0	8.0	8.0	
10	TV1010	LAOKING	EUPIA	CHDCND Lào	3.0	3.0	2.0	5.0	3.5	
11	TV1011	SOUTHIDET	HOUNGTHONG	CHDCND Lào	7.0	6.5	4.5	4.5	5.5	
12	TV1012	HUANG	JIAMING	Trung Quốc	4.5	5.0	6.0	3.5	5.0	
13	TV1013	DENG	JIE	Trung Quốc	5.5	7.0	4.0	6.0	5.5	
14	TV1014	XAYYAYENG	KAOLIMOUA	CHDCND Lào	4.5	5.0	3.0	2.0	3.5	
15	TV1015	SOUPHA IN	KHEM	CHDCND Lào	7.0	7.0	4.0	6.0	6.0	
16	TV1016	KHAMMANY	KOLA	CHDCND Lào	4.5	6.0	3.0	5.0	4.5	
17	TV1017	HEUANGPHENGON	KOUNNIDA	CHDCND Lào	6.0	7.0	7.0	4.0	6.0	
18	TV1018	SENYASEANG	LATTIKA	CHDCND Lào	5.5	7.0	7.0	5.0	6.0	
19	TV1019	SYSAKET	LYCHAN	CHDCND Lào	5.5	5.0	7.0	3.0	5.0	
20	TV1020	ZUO	MINGJUN	Trung Quốc	4.5	5.5	3.0	2.0	4.0	
21	TV1021	HU	MINZHE	Trung Quốc	5.5	7.0	6.0	6.0	6.0	
22	TV1022	MANYSONE	NOULAKHAM	CHDCND Lào	6.0	6.0	6.0	7.5	6.5	
23	TV1023	PHENSAVATH	NOUNNAPHA	CHDCND Lào	6.5	7.0	6.0	5.0	6.0	
24	TV1024	KANNALY	NOUNY	CHDCND Lào	6.0	7.0	6.0	4.5	6.0	
25	TV1025	MISENGSAI	OUDOMSACK	CHDCND Lào	8.5	9.0	9.0	8.5	9.0	
26	TV1026	OUNTHALA	OUNFONG	CHDCND Lào	6.5	6.0	8.0	6.0	6.5	
27	TV1027	PHONTHAVY	OUTHON	CHDCND Lào	6.0	6.0	7.0	6.0	6.5	
28	TV1028	LORBRIACHUE	PAKU	CHDCND Lào	4.5	4.0	4.0	5.5	4.5	

TT	Số báo danh	Họ và tên		Quốc tịch	Điểm từng kĩ năng				Điểm trung bình	Ghi chú
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
29	TV1029	CHANTAPASOD	PHASIT	CHDCND Lào	5.5	7.0	3.5	6.5	5.5	
30	TV1030	KHOUNMACHACK	PHONETHIP	CHDCND Lào	6.5	8.0	6.5	6.0	7.0	
31	TV1031	XIE	POCHEN	Trung Quốc	6.0	2.5	3.5	6.0	4.5	
32	TV1032	LYNGOUAN	SENEDEE	CHDCND Lào	3.5	6.5	5.5	6.5	5.5	
33	TV1033	KEOPASERT	SINGHA	CHDCND Lào	4.0	4.5	2.0	6.0	4.0	
34	TV1034	ANGNIKHOU	SOMAOK	CHDCND Lào	6.0	8.0	8.5	6.5	7.5	
35	TV1035	SOUVONGXAY	SOMSAVATH	CHDCND Lào	6.5	7.0	3.5	6.5	6.0	
36	TV1036	NINKEO	SONGKARN	CHDCND Lào	6.5	6.0	5.5	6.0	6.0	
37	TV1037	ZHU	SONGSHAN	Trung Quốc	5.5	5.0	3.5	6.5	5.0	
38	TV1038	MANEESONE	SOUHAD	CHDCND Lào	5.0	5.0	4.0	6.0	5.0	
39	TV1039	XAIYA IN	SOUKKUNDA	CHDCND Lào	6.0	8.5	9.0	7.0	7.5	
40	TV1040	XAYYAVONG	SOUKSAKHONE	CHDCND Lào	5.0	6.5	6.5	6.5	6.0	
41	TV1041	KHAMSOUPHAN	THAMALUK	CHDCND Lào	4.5	4.5	3.0	6.0	4.5	
42	TV1042	SOUKSAMATH	THINNAPHONE	CHDCND Lào	5.0	7.0	5.5	6.0	6.0	
43	TV1043	HOUNGVICHIT	THONY	CHDCND Lào	4.5	7.0	2.0	6.0	5.0	
44	TV1044	INTHALATH	VILADA	CHDCND Lào	5.5	6.0	6.0	6.5	6.0	
45	TV1045	PHOMPHAKDY	VIPHA	CHDCND Lào						Bỏ thi
46	TV1046	HUANGVANMIXAY	VONGSACK	CHDCND Lào	5.5	8.0	6.0	6.0	6.5	
47	TV1047	ZHENG	WENE	Trung Quốc	4.5	5.0	2.0	6.5	4.5	
48	TV1048	TAN INVONG	XAYCHENG	CHDCND Lào	5.5	4.0	4.5	6.0	5.0	
49	TV1049	KEOXAXIONG	YEEXIONG	CHDCND Lào	4.5	6.0	7.5	6.0	6.0	
50	TV1050	ZHAO	ZHENYANG	Trung Quốc	4.5	6.0	1.5	5.5	4.5	

Tổng số thí sinh: 50; vắng thi: 01

Người lên điểm



Trần Kim Hoàn

Người kiểm tra



Nguyễn Thị Yên

Trưởng ban Thư ký



Phạm Đức Hiếu